



DOI:10.22144/ctujos.2025.052

VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG TRONG VIỆC BẢO VỆ VÀ SỬ DỤNG BỀN VỮNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN CHẠM CHU, THUỘC XÃ YÊN THUẬN, HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYẾN QUANG

Đỗ Công Ba*

Trường Đại học Tân Trào, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): congbacdsp@gmail.com

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 02/01/2025

Sửa bài (Revised): 18/02/2025

Duyệt đăng (Accepted): 30/03/2025

Title: The role of the community in protecting and sustainably utilizing natural resources in Cham Chu nature reserve, Yen Thuan commune, Ham Yen district, Tuyen Quang province

Author(s): Do Cong Ba*

Affiliation(s): Tan Trao University, Viet Nam

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện tập trung vào vai trò của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Mục tiêu nghiên cứu là đánh giá mức độ tham gia của cộng đồng, các khó khăn, thách thức gặp phải và đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường hiệu quả bảo tồn. Phương pháp nghiên cứu bao gồm khảo sát thực địa, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm với người dân và cán bộ quản lý khu bảo tồn. Kết quả nghiên cứu cho thấy cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc giám sát và bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên một cách bền vững và truyền bá tri thức bản địa. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cho thấy vẫn tồn tại nhiều thách thức như nhận thức chưa đầy đủ, áp lực sinh kế và thiếu sự hỗ trợ từ chính quyền. Các giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu như nâng cao nhận thức, phát triển sinh kế bền vững, tăng cường hợp tác giữa cộng đồng và chính quyền và ứng dụng công nghệ vào quản lý tài nguyên rừng.

Từ khóa: Bảo tồn rừng, cộng đồng, khai thác bền vững, quản lý rừng, sinh kế.

ABSTRACT

The study focuses on the role of the local community in protecting and sustainably utilizing natural resources. The research aims to assess the level of community participation, the difficulties and challenges faced and propose appropriate solutions to enhance conservation effectiveness. The research methods include field surveys, in-depth interviews, and group discussions with residents and nature reserve management officials. The findings show that the community plays a crucial role in monitoring and protecting forests, sustainably exploiting resources, and transmitting indigenous knowledge. However, several challenges remain, such as inadequate awareness, livelihood pressures, and lack of governmental support. The study proposes solutions such as raising awareness, developing sustainable livelihoods, strengthening cooperation between the community and authorities, and applying technology in forest resource management.

Keywords: Community, forest conservation, forest management, livelihoods, sustainable exploitation

1. GIỚI THIỆU

Khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu, nằm tại xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, là một khu vực giàu tài nguyên thiên nhiên với hệ sinh thái đa dạng, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương (Vietnam Academy of Forest Sciences, 2020). Khu bảo tồn cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái thiết yếu như điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước và duy trì cân bằng sinh thái (Ministry of Natural Resources and Environment, 2020). Tuy nhiên, hiện nay, khu bảo tồn đang phải đối mặt với nhiều thách thức bao gồm: khai thác tài nguyên quá mức, áp lực sinh kế từ cộng đồng địa phương và các tác động từ biến đổi khí hậu (People's Committee of Tuyên Quang Province, 2022).

Báo cáo của Ministry of Agriculture and Rural Development (2021) cho thấy các hoạt động khai thác lâm sản và săn bắt động vật hoang dã trái phép đang diễn ra phổ biến, gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái khu bảo tồn. Công tác quản lý và bảo vệ rừng gặp nhiều khó khăn do thiếu nguồn lực và sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa các bên liên quan (Center for People and Nature, 2019). Kết quả ở một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự tham gia của cộng đồng địa phương có thể đóng góp tích cực vào công tác bảo tồn thông qua các hoạt động giám sát, bảo vệ tài nguyên rừng và phát triển sinh kế bền vững (Nguyen & Pham, 2022).

Thực tế cho thấy, khi được huy động và hỗ trợ đầy đủ, cộng đồng địa phương có thể đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ rừng, khai thác tài nguyên bền vững và truyền bá tri thức bản địa. Tuy nhiên, sự tham gia của cộng đồng vẫn còn hạn chế do thiếu kiến thức, áp lực sinh kế và thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa các bên liên quan (Tran, 2020; Do, 2024).

Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm tập trung vào việc đánh giá vai trò của cộng đồng địa phương trong bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên tại Khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu, đồng thời phân tích các khó khăn và đề xuất các giải pháp phù hợp.

2. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng và thời gian nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Cộng đồng dân cư sinh sống trong và xung quanh khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu thuộc xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 8 năm 2023 đến 7 năm 2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Khảo sát thực địa

Các chuyến khảo sát trực tiếp được thực hiện tại Khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu để quan sát thực trạng sử dụng tài nguyên thiên nhiên, hoạt động bảo tồn, và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Ghi nhận hiện trạng rừng, sự thay đổi của hệ sinh thái và những tác động từ hoạt động khai thác tài nguyên. Hệ thống định vị toàn cầu (GPS) được ứng dụng để đánh dấu các vị trí khảo sát quan trọng và hỗ trợ phân tích không gian.

Phỏng vấn sâu

Các cuộc phỏng vấn trực tiếp với người dân địa phương, cán bộ quản lý khu bảo tồn được tiến hành nhằm thu thập thông tin chi tiết về nhận thức, thái độ và mức độ tham gia của họ vào công tác bảo vệ tài nguyên. Các câu hỏi tập trung vào: kinh nghiệm quản lý tài nguyên thiên nhiên, những khó khăn và thách thức trong bảo tồn, đề xuất giải pháp từ góc nhìn cộng đồng. Phỏng vấn được thực hiện theo phương pháp bán cấu trúc để vừa khai thác được thông tin cần thiết, vừa tạo không gian cho người trả lời chia sẻ kinh nghiệm thực tế.

Thảo luận nhóm

Các buổi thảo luận nhóm được tổ chức với sự tham gia đa dạng của người dân, bao gồm cả những nhóm ít được đại diện như phụ nữ, người cao tuổi và thanh niên. Nội dung thảo luận được xây dựng chi tiết, tập trung vào các chủ đề cụ thể như: (1) thực trạng và các vấn đề trong quản lý tài nguyên, (2) đề xuất giải pháp từ góc nhìn cộng đồng, (3) khả năng ứng dụng các giải pháp và vai trò của cộng đồng trong triển khai. Số lượng người tham gia được lựa chọn cụ thể: 30 người dân sinh sống bên trong khu bảo tồn và 20 người dân sinh sống bên ngoài khu bảo tồn. Việc lựa chọn này nhằm đảm bảo thu thập được ý kiến từ những người chịu tác động trực tiếp và gián tiếp của các hoạt động bảo tồn, qua đó phản ánh đầy đủ các quan điểm và thách thức khác nhau. Để tăng cường hiệu quả, nhóm nghiên cứu chuẩn bị trước bộ câu hỏi chi tiết, khuyến khích người tham gia chia sẻ kinh nghiệm và đề xuất giải pháp. Mỗi buổi thảo luận đều có người ghi chép và tổng hợp ý kiến. Ngoài ra, các buổi thảo luận nhỏ (3 - 5 người) được tổ chức song song để đảm bảo mọi ý kiến được lắng nghe. Kết quả thảo luận được phản hồi lại cho cộng đồng để xác nhận và bổ sung.

2.2.2. Phương pháp phân tích

Tổng hợp và phân loại thông tin

Dữ liệu từ khảo sát, phỏng vấn và thảo luận nhóm được tổng hợp theo từng nhóm chủ đề, bao gồm: mức độ tham gia của cộng đồng, nhận thức về bảo tồn, khó khăn gặp phải, và đề xuất giải pháp.

Phân tích định lượng

Phần mềm SPSS được sử dụng để phân tích dữ liệu từ 120 phiếu khảo sát, bao gồm các biến như: giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp và mức độ tham gia bảo vệ tài nguyên. Phân tích hồi quy tuyến tính được áp dụng để đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố nhân khẩu học đến mức độ tham gia bảo vệ rừng. Kết quả phân tích cho thấy trình độ học vấn và thu nhập có tương quan dương với mức độ tham gia, trong khi áp lực sinh kế có tác động tiêu cực. Bên cạnh đó, phân tích ANOVA được sử dụng để so sánh mức độ nhận thức về bảo vệ tài nguyên giữa các nhóm tuổi và nghề nghiệp, cho thấy nhóm tuổi từ 25 - 40 và nhóm cán bộ nhà nước có nhận thức cao hơn đáng kể. Các kết quả phân tích được trình bày chi tiết trong các bảng thống kê kèm theo và được thảo luận để làm rõ các yếu tố tác động đến bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Phân tích định tính

Dữ liệu từ phỏng vấn và thảo luận nhóm được phân tích theo phương pháp nội dung nhằm xác định các quan điểm, thái độ và xu hướng liên quan đến bảo tồn tài nguyên. Đánh giá các yếu tố động lực và cản trở sự tham gia của cộng đồng trong công tác bảo vệ rừng.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Vai trò của cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ tài nguyên

3.1.1. Giám sát và bảo vệ rừng

Cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng trong công tác giám sát và bảo vệ rừng thông qua các hoạt động tuần tra, báo cáo và xử lý các hành vi xâm hại tài nguyên rừng. Nghiên cứu được bổ sung dữ liệu cụ thể: 60 hộ dân bên trong khu bảo tồn và 40 hộ dân bên ngoài khu bảo tồn tham gia trực tiếp vào hoạt động giám sát, với tần suất ít nhất 2 lần mỗi tháng.

Người dân sử dụng các công cụ hỗ trợ như GPS và ứng dụng di động để ghi nhận vị trí, báo cáo nhanh các vi phạm đến ban quản lý rừng. Sự tham gia của cộng đồng không chỉ giúp giảm thiểu các hành vi vi phạm mà còn tiết kiệm chi phí cho chính quyền và đảm bảo tính hiệu quả nhờ sự am hiểu địa

bản. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng cần có thêm các chương trình đào tạo kỹ năng giám sát, hỗ trợ tài chính và chính sách khuyến khích để duy trì sự tham gia lâu dài của cộng đồng.

3.1.2. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên

Cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo hướng bền vững. Các hình thức khai thác hợp lý bao gồm thu hái lâm sản ngoài gỗ (mật ong, thảo dược, nấm rừng), sử dụng nguồn nước một cách hợp lý và canh tác xen canh dưới tán rừng. Số liệu được làm rõ trong nghiên cứu bao gồm: có 75 hộ dân trong khu bảo tồn và 55 hộ dân bên ngoài khu bảo tồn áp dụng các phương pháp khai thác bền vững, chiếm khoảng 60% tổng số hộ được khảo sát.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng mô hình nông lâm kết hợp giúp giảm áp lực lên rừng tự nhiên, đồng thời tạo nguồn thu nhập ổn định. Một số hộ dân đã tham gia vào các dự án liên kết sản xuất bền vững với doanh nghiệp, tạo ra chuỗi giá trị ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Tuy nhiên, số liệu được đưa ra trong nghiên cứu cũng chỉ ra rằng vẫn còn 40% số hộ chưa tiếp cận hoặc chưa áp dụng đầy đủ phương pháp sử dụng bền vững tài nguyên do thiếu kiến thức, hỗ trợ kỹ thuật và đầu ra thị trường. Do đó, cần có các chương trình nâng cao nhận thức, hỗ trợ kỹ thuật và kết nối thị trường để đảm bảo sự tham gia rộng rãi của cộng đồng vào quá trình bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

3.1.3. Truyền bá tri thức bản địa

Cộng đồng địa phương, đặc biệt là các dân tộc thiểu số tại khu bảo tồn Chạm Chu, lưu giữ kho tàng tri thức bản địa quý giá, bao gồm kiến thức về thảo dược, kỹ thuật canh tác truyền thống và cách sử dụng bền vững tài nguyên rừng. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 50 hộ dân tham gia tích cực vào việc truyền bá tri thức này, thông qua các hoạt động như: tổ chức lớp học truyền thống, chia sẻ kinh nghiệm tại các buổi họp thôn và truyền dạy trong gia đình.

Tri thức bản địa không chỉ giúp cộng đồng khai thác tài nguyên hợp lý mà còn đóng góp vào việc bảo tồn đa dạng sinh học. Ví dụ, các phương pháp hái lượm thảo dược theo mùa, cách chăm sóc và bảo vệ loài cây thuốc quý được truyền từ đời này sang đời khác, giúp bảo vệ hệ sinh thái rừng. Tuy nhiên, quá trình hiện đại hóa và sự thay đổi trong sinh kế đang khiến tri thức bản địa dần mai một đã được chỉ ra trong nghiên cứu. Cần có các chương trình bảo tồn tri thức, kết hợp giữa giáo dục hiện đại và truyền thống để lưu giữ và phát huy giá trị của tri thức bản địa trong công tác bảo tồn rừng bền vững.

3.1.4. Tham gia vào các chương trình bảo tồn

Cộng đồng địa phương tham gia vào các chương trình bảo tồn qua nhiều hoạt động khác nhau, bao gồm: tái trồng rừng, bảo vệ động thực vật quý hiếm và giám sát các hành vi xâm hại rừng. Đặc biệt, số lượng và cách thức tham gia đã được làm rõ trong nghiên cứu với 80 hộ dân bên trong khu bảo tồn và 50 hộ dân bên ngoài khu bảo tồn tham gia trực tiếp các chương trình này. Việc lựa chọn dựa trên mức độ ảnh hưởng của các hộ dân đối với tài nguyên rừng và khả năng đóng góp của họ.

Ngoài ra, các chương trình bảo tồn được triển khai với sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ và cơ quan nhà nước, bao gồm đào tạo kỹ năng bảo vệ rừng, cung cấp sinh kế bền vững và khuyến khích các mô hình du lịch sinh thái cộng đồng. Kết quả cho thấy sự tham gia tích cực của cộng đồng giúp tăng cường hiệu quả bảo tồn và tạo điều kiện để họ

hưởng lợi từ các chương trình này. Tuy nhiên, vẫn cần thêm sự hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chính sách để mở rộng sự tham gia của cộng đồng, đặc biệt là các nhóm dễ bị tổn thương như phụ nữ và người dân tộc thiểu số.

3.2. Thực trạng vai trò của cộng đồng trong việc bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên tại khu vực nghiên cứu

3.2.1. Thông tin của người tham gia khảo sát

Kết quả cho thấy tỷ lệ nam tham gia khảo sát (58,3%), nữ tham gia khảo sát (41,7%), cho thấy nam giới tham gia nhiều hơn trong khảo sát, điều này có thể phản ánh thực tế rằng các hoạt động bảo vệ rừng thường liên quan đến lao động thể chất, chủ yếu do nam giới thực hiện.

Bảng 1. Thông tin của người tham gia khảo sát

Tiêu chí chính	Tiêu chí cụ thể	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Độ lệch chuẩn
Giới tính	Nam	70	58,3%	3,5
	Nữ	50	41,7%	3,0
Độ tuổi	Dưới 25 tuổi	20	16,7%	20
	25 - 40 tuổi	45	37,5%	3,3
	41 - 60 tuổi	38	31,7%	3,1
	Trên 60 tuổi	17	14,1%	1,8
Trình độ học vấn	Không đi học	10	8,3%	1,3
	Tiểu học	40	33,3%	3,2
	Trung học cơ sở	45	37,5%	3,3
	Trung học phổ thông	20	16,7%	2,0
	Trung cấp/Đại học	5	4,2%	1,0
Nghề nghiệp	Nông/Lâm nghiệp	75	62,5%	4,0
	Buôn bán nhỏ	20	16,7%	2,0
	Công nhân	15	12,5%	1,8
	Cán bộ nhà nước	5	4,2%	1,0
	Khác	5	4,2%	1,0

Nguồn: Đề tài cơ sở nghiên cứu tình đa dạng và đề xuất giải pháp bảo tồn một số loài cây thuốc trên địa bàn xã Yên Thuận, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang năm học 2024-2025. Trường Đại học Tân Trào.

Nhóm tuổi từ 25 đến 40 tuổi (37,5%) và từ 41 đến 60 tuổi (31,7%) có tỷ lệ cao nhất, chứng minh năng lực lao động chủ yếu trong cộng đồng tham gia là người trưởng thành, có khả năng lao động và nhận thức tốt hơn về bảo vệ tài nguyên. Nhóm người trên 60 tuổi (14,1%) có tỷ lệ thấp, cho thấy người cao tuổi ít tham gia hơn vào hoạt động bảo tồn.

Phần lớn người dân có trình độ từ Trung học cơ sở trở lên (79,1%), điều này cho thấy công việc tuyên truyền và giáo dục về bảo tồn cần phù hợp với trình độ văn hóa cộng đồng. Tỷ lệ người có trình độ trung cấp, cao đẳng và đại học rất thấp (4,2%), sẽ rất

khó khăn trong công việc áp dụng các giải pháp quản lý vững chắc đòi hỏi kỹ thuật cao.

Nghề nghiệp chủ yếu của người dân là nông/lâm nghiệp (62,5%), chứng tỏ nguồn sinh kế chính phụ thuộc vào tài nguyên rừng. Điều này cho thấy nhu cầu khai thác rừng là rất cao, gây áp lực lớn cho công tác bảo tồn. Các ngành nghề khác như buôn bán nhỏ, công nhân có tỷ lệ thấp hơn, cho thấy người dân có ít đa dạng trong sinh kế, dẫn đến việc phụ thuộc lớn vào tài nguyên rừng.

Kết luận: Cộng đồng địa phương chủ yếu là nam giới trong độ tuổi lao động và có trình độ học vấn

trung bình, phần lớn làm nông/lâm nghiệp, việc lựa chọn công việc bảo vệ tài nguyên cần thiết phải gắn liền với việc phát triển sinh thái bền vững để giảm thiểu khai thác quá mức.

3.2.2. Nhận thức và thái độ của người dân

Kết quả khảo sát cho thấy (70,8%) người đánh giá công việc bảo vệ là “Rất quan trọng” điều này cho thấy vẫn còn là một bộ phận cộng đồng chưa thực sự coi trọng công tác bảo tồn. Đa số người dân

Bảng 2. Nhận thức và thái độ của người dân

Tiêu chí chính	Tiêu chí cụ thể	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Độ lệch chuẩn
Mức độ quan trọng của bảo vệ tài nguyên	Rất quan trọng	85	70,8%	4,1
	Quan trọng	30	25%	2,7
	Bình thường	5	4,2%	10
	Không quan trọng	0	0%	0,0
Cộng đồng có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên	Có	95	79,2%	4,4
	Không	25	20,8%	2,2

3.2.3. Mức độ tham gia bảo vệ tài nguyên của cộng đồng

Tỷ lệ người tham gia bảo vệ tài nguyên và người chưa tham gia ngang nhau (50%), điều này phản ánh vẫn còn rào cản trong việc huy động tham gia của cộng đồng. Hình thức tham gia phổ biến nhất là trồng rừng, bảo vệ cây xanh (37,5%), tiếp theo là tuần tra bảo vệ rừng (25%) và tuyên truyền cộng đồng (20,8%). Điều này cho thấy phần lớn người dân tham gia các hoạt động ít đòi hỏi chuyên môn.

Kết luận: Cần có các chương trình khuyến khích cộng đồng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động

Bảng 3. Mức độ tham gia bảo vệ tài nguyên của cộng đồng

Tiêu chí chính	Tiêu chí cụ thể	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Độ lệch chuẩn
Tham gia bảo vệ rừng	Có	60	50%	3,5
	Không	60	50%	3,5
Hình thức tham gia	Tuần tra bảo vệ rừng	30	25%	2,7
	Trồng rừng, bảo vệ cây xanh	45	37,5%	3,3
	Tuyên truyền, vận động	25	20,8%	2,2
	Khác	20	16,7%	2,0

Đốt rừng làm nương rẫy (41,7%). Tỷ lệ cao cho thấy tập quán canh tác du canh du cư vẫn phổ biến ở nhiều khu vực, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này gây nguy hại nghiêm trọng đến hệ sinh thái, làm mất đi lớp phủ thực vật và tăng nguy cơ bào mòn đất. Giải pháp cần thiết là phải chuyển đổi phương thức canh tác và hỗ trợ sinh kế cho người dân.

Chính quyền quản lý còn hạn chế (25%). Điều này cho thấy công tác quản lý tài nguyên chưa được

(79,2%) thừa nhận trách nhiệm trong bảo vệ tài nguyên, cho rằng tinh thần trách nhiệm cộng đồng là khá tốt nhưng vẫn còn khoảng (20,8%) chưa được nhận thức rõ vai trò của mình trong việc bảo vệ tài nguyên.

Mặc dù hầu hết mọi người dân đều nhận thức về khu bảo tồn và tầm quan trọng của bảo vệ tài nguyên, cần tiếp tục nâng cao ý thức cộng đồng để đảm bảo cộng đồng tham gia đồng đều hơn.

bảo vệ rừng thông qua các sáng kiến như hỗ trợ kinh tế hoặc tạo động lực thông qua lợi ích từ bảo tồn.

3.2.4. Nguyên nhân suy giảm và mục đích sử dụng tài nguyên

– Nguyên nhân suy giảm tài nguyên

Khai thác gỗ trái phép (58,3%). Đây là nguyên nhân hàng đầu gây suy giảm tài nguyên, phản ánh tình trạng khai thác lâm sản bất hợp pháp diễn ra phổ biến. Điều này có thể do nhu cầu sử dụng gỗ để xây dựng cao, gỗ mang lại giá trị kinh tế lớn và kiểm soát chưa chặt chẽ từ cơ quan chức năng. Cần có biện pháp trừng phạt nghiêm khắc hơn, tăng cường chế tài xử phạt.

Thực hiện hiệu quả, có thể do thiếu nhân lực, thiếu kinh phí hoặc chồng chéo trong cơ chế quản lý. Việc thiết lập khung pháp lý rõ ràng, phân cấp trách nhiệm cụ thể và tăng cường phân phối cộng đồng địa phương là cần thiết.

Nguyên nhân khác (12,5%). Nhóm này có thể bao gồm các yếu tố như thiên tai, mở rộng hạ tầng, khai thác khoáng sản, cho thấy tác động tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau.

Mục đích sử dụng tài nguyên

Thu hái lâm sản phụ (50%). Đây là mục tiêu sử dụng tài nguyên chủ yếu được tìm thấy, cộng đồng phụ thuộc nhiều vào các nguồn tài nguyên như các

cây dược liệu và các cây ăn được. Điều này mở ra tiềm năng phát triển các mô hình khai thác bền vững như trồng rừng kết hợp khai thác lâm sản ngoài gỗ.

Bảng 4. Nguyên nhân và mục đích sử dụng tài nguyên

Tiêu chí chính	Tiêu chí cụ thể	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Độ lệch chuẩn
Nguyên nhân suy giảm	Khai thác gỗ trái phép	70	58,3%	3,5
	Đốt rừng làm nương rẫy	50	41,7%	3,0
	Chính quyền quản lý còn hạn chế	30	25%	2,7
	Khác	15	12,5%	1,8
Mục đích sử dụng	Khai thác gỗ xây dựng	50	41,7%	3,0
	Săn bắt động vật	20	16,7%	2,0
	Thu hái lâm sản phụ	60	50%	3,5
	Khác	10	8,3%	1,3

Khai thác gỗ xây dựng (41,7%). Cho thấy nhu cầu sử dụng gỗ xây tỷ lệ vẫn lớn, chứng tỏ tầm quan trọng của gỗ trong đời sống sinh hoạt và xây dựng. Cần khuyến khích sử dụng vật liệu thay thế hoặc khai thác thác có kế hoạch nhằm giảm áp lực lên rừng.

Săn bắt động vật (16,7%). Hoạt động này có nguy cơ làm suy giảm đa dạng sinh học nghiêm trọng. Công việc săn bắt phục vụ như nhu cầu sinh kế, thương mại có thể đưa nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng. Cần tăng cường giáo dục cộng đồng về bảo tồn động vật hoang dã và kiểm soát hoạt động săn bắt.

Các mục tiêu khác (8,3%). Bao gồm việc sử dụng rừng cho mục đích du lịch sinh thái, khai thác đất rừng làm nông nghiệp, hoặc sử dụng làm nơi cư trú.

Kết luận: Việc khai thác tài nguyên rừng hiện tại đang diễn ra với cường độ cao, có xu hướng vượt quá khả năng tái tạo tự nhiên, dẫn đến những hệ nguy hiểm như mất rừng, suy thoái đất và thay đổi

Bảng 5. Mức độ khai thác tài nguyên thiên nhiên

Tiêu chí chính	Tiêu chí cụ thể	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Độ lệch chuẩn
Đánh giá mức độ khai thác thác	Quá mức	20	16,7%	2,0
	Trung bình	70	58,3%	3,5
	Hợp lý, bền vững	30	25%	2,7

Cụ thể, 16,7% số hộ được khảo sát khai thác vượt mức quy định, chủ yếu là gỗ quý và lâm sản phụ như thảo dược và mật ong rừng. 58,3% số hộ khai thác ở mức trung bình nhưng vẫn cao hơn mức cho phép nếu xét về tổng sản lượng khai thác cộng dồn. Chỉ 25% số hộ khai thác ở mức hợp lý, tuân thủ quy định và có biện pháp tái tạo nguồn tài nguyên.

Kết luận: Công việc khai thác tài nguyên hiện nay đang có những cải tiến tích cực, với xu hướng tăng khai thác hợp lý, bền vững và giảm khai thác quá mức. Tuy nhiên, để đảm bảo sự phát triển lâu

khí hậu. Các mô hình canh tác và khai thác bền vững cần được áp dụng, chẳng hạn như trồng rừng gỗ lớn, nông lâm kết hợp, du lịch sinh thái cộng đồng. Tăng cường công tác quản lý nhà nước, xây dựng chính sách hỗ trợ cộng đồng khai thác hợp lý và có sự tham gia của người dân trong bảo vệ rừng. Tuyên truyền nâng cao nhận thức, khuyến khích người dân chuyển đổi từ khai thác lâm sản trực tiếp sang các mô hình kinh tế sinh thái bền vững hơn. Tóm lại, để giảm áp lực lên tài nguyên rừng, cần có một chiến lược tổng hợp giữa bảo vệ, phát triển sinh kế bền vững và tăng cường vai trò quản lý các cơ quan chức năng.

3.2.5. *Đánh giá mức độ khai thác tài nguyên thiên nhiên*

Mức cho phép khai thác tài nguyên tại Khu bảo tồn Chạm Chu được quy định là không quá 500 m³ gỗ/năm và 300 tấn lâm sản phụ/năm theo Báo cáo của Ban Quản lý Khu bảo tồn (2023). Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy tổng lượng khai thác thực tế đạt 650 m³ gỗ/năm và 420 tấn lâm sản phụ/năm, vượt lần lượt 30% và 40% so với mức cho phép.

dài, cần có chiến lược có thể thúc đẩy chuyển đổi nhóm khai thác ở mức trung bình sang bền vững và duy trì kiểm soát đối với nhóm khai thác quá mức.

3.2.6. *Đánh giá mức độ sẵn sàng tham gia bảo vệ tài nguyên thiên nhiên*

Sẵn sàng tham gia 90 người (75%). Đa số người khảo sát nhận thức cao và có tinh thần tích cực trong công việc bảo vệ tài nguyên. Sự sẵn sàng có thể do họ nhận thức được tác động tiêu cực của khai thác mức, đồng thời được hưởng lợi ích kinh tế và xã hội từ công việc bảo vệ tài nguyên.

Bảng 6. Mức độ sẵn sàng tham gia bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Tiêu chí chính	Tiêu chí cụ thể	Tần suất	Tỷ lệ (%)	Độ lệch chuẩn
Tham gia ở mức độ	Sẵn sàng	90	75%	4,0
	Chưa chắc	25	20,8%	2,2
	Không sẵn sàng	5	4,2%	1,0

Chưa chắc chắn 25 người (20,8%). Một bộ phận vẫn còn do dự. Đây là nhóm cần được tập trung vào công tác tuyên truyền, bởi họ có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố như thiếu thông tin, chưa thấy lợi ích thiết thực, hoặc lo về sinh kế khi chuyển đổi sang các mô hình kinh tế bền vững khác.

Không sẵn sàng 5 người (4,2%). Tỷ lệ này tuy nhỏ nhưng phản ánh một phần khó khăn trong công việc thay đổi thói quen khai thác lâu đời, hoặc nhóm này có thể bị tác động bởi lợi ích kinh tế ngắn hạn từ khai thác tài nguyên. Nhóm này có thể bao gồm những người có hoạt động khai thác phụ thuộc vào tài nguyên và khó tìm giải pháp thay thế phù hợp.

Kết luận: Phần lớn cộng đồng đã sẵn sàng để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, nhưng vẫn cần những nỗ lực lớn hơn để thuyết phục và thay đổi nhận thức của nhóm chưa chắc chắn và không sẵn sàng. Điều quan trọng là phát triển các biện pháp phù hợp để khuyến khích bảo vệ tài nguyên dài hạn, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

3.3. Khó khăn và thách thức trong việc tham gia bảo vệ tài nguyên từ cộng đồng

Mặc dù cộng đồng địa phương đóng vai trò quan trọng trong công việc bảo vệ và quản lý tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên quá trình tham gia của họ vẫn gặp phải nhiều khó khăn và thách thức. Các yếu tố chính gây cản trở gồm thiếu nhận thức và hiểu biết, áp lực kinh tế, thiếu sự hỗ trợ từ chính quyền và công tác phối hợp quản lý chưa chặt chẽ.

3.3.1. Thiếu kiến thức và hiểu biết

Một bộ phận người dân chưa được nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Nhiều người vẫn xem rừng là nguồn tài nguyên vô tận để khai thác mà không nhận thức được về sự cạn kiệt và hậu quả môi trường. Người dân thường chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế trước mắt mà không cân chú ý đến những lợi ích lâu dài từ bảo vệ rừng như cân bằng hệ sinh thái, bảo vệ nguồn nước, khí hậu. Do hạn chế về nhận thức nhiều người chưa hiểu về các quy định liên quan đến bảo vệ tài nguyên, dẫn đến tình trạng vi phạm không có ý.

3.3.2. Áp lực từ kinh tế

Nhu cầu sinh kế phụ thuộc vào tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là các hoạt động như khai thác gỗ, lâm sản phụ. Đối với nhiều hộ gia đình, nghề khai thác rừng là nguồn thu nhập chính, họ khó tìm được sinh kế thay thế. Làm nương rẫy trên đất rừng phương thức canh tác này dù chưa đúng vào thời điểm này nhưng vẫn tồn tại do thiếu đất canh tác và thiếu sự hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Thất nghiệp và thu nhập thấp tạo cho người dân thói quen phải phụ thuộc vào rừng để sinh sống.

3.3.3. Thiếu sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương

Thiếu sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương là một trong những rào cản lớn trong công tác bảo vệ tài nguyên tại Khu bảo tồn Chạm Chu. Mặc dù đã có các chính sách như Nghị định 75/2015/NĐ-CP về cơ chế hỗ trợ cho người dân sống gần rừng và Quyết định 38/2016/QĐ-TTg về phát triển lâm nghiệp bền vững, nhưng việc triển khai còn hạn chế. Cộng đồng phản ánh rằng họ chưa được tiếp cận đầy đủ với các chương trình hỗ trợ sinh kế, đào tạo kỹ thuật bảo vệ rừng và nguồn vốn ưu đãi. Ngoài ra, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (PFES) dù đã được áp dụng nhưng mức chi trả thấp và không đồng đều, khiến nhiều hộ dân không mặn mà tham gia. Cơ chế phối hợp giữa chính quyền và cộng đồng còn yếu, thiếu các kênh đối thoại và phản hồi hiệu quả.

3.3.4. Phối hợp chưa chặt chẽ giữa các bên liên quan

Việc phối hợp giữa các bên liên quan như chính quyền địa phương, cơ quan quản lý rừng và cộng đồng còn nhiều khó khăn. Phân quyền chưa rõ ràng cộng đồng chưa có vai trò rõ ràng trong công tác quản lý tài nguyên. Thiếu chia sẻ lợi ích người dân cảm thấy mình không được hưởng lợi gì từ công tác bảo tồn nên không nhiệt tình tham gia. Các cơ quan quản lý chưa có phương pháp truyền thông phù hợp với người dân, dẫn đến hiểu biết chưa đúng và thiếu hợp lý.

3.4. Định hướng phát triển và giải pháp thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng

Để tăng cường vai trò của cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu, cần có các giải pháp an toàn và bền vững.

Những giải pháp này không chỉ giúp giảm áp lực nâng cao tài nguyên thiên nhiên mà còn tạo điều kiện để người dân hưởng lợi từ các hoạt động bảo tồn.

3.4.1. Nâng cao nhận thức và kỹ năng bảo vệ tài nguyên

Một trong những rào cản lớn nhất trong công việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên là sự thiếu hiểu biết và nhận thức chưa đầy đủ của cộng đồng về tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển bền vững. Nhiều người dân chưa hiểu rõ tác động của các hành vi khai thác quá mức đến môi trường và sinh kế lâu dài của họ.

Để nâng cao nhận thức và kỹ năng chính quyền cần tổ chức chương trình đào tạo thường xuyên về bảo vệ tài nguyên, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Sử dụng hình thức truyền thông dễ hiểu như tờ rơi, video, hội thảo cộng đồng. Kết hợp với các tổ chức phi chính phủ và các trường học để lan tỏa nhận thức bảo tồn từ trẻ em đến người lớn. Khuyến khích cộng đồng chia sẻ các phương thức truyền bá về bảo vệ rừng, sử dụng lâm sản không gây nguy hại cho hệ sinh thái. Xây dựng bảo tồn tài nguyên dựa trên tri thức bản địa, kết hợp giữa phương pháp hiện đại và truyền thống để nâng cao hiệu quả quản lý rừng. Hỗ trợ cộng đồng trong việc áp dụng phương pháp địa phương vào các mô hình sinh thái thân thiện với môi trường.

3.4.2. Phát triển sinh kế bền vững cho người dân

Phần lớn người dân địa phương sống dựa vào nghề khai thác tài nguyên rừng như chặt gỗ, săn bắt và canh tác trên đất rừng, dẫn đến áp lực khai thác lớn. Thiếu các giải pháp kinh tế thay thế nên người dân vẫn phải tiếp tục sử dụng rừng làm nguồn sinh kế chính.

Để phát triển sinh kế bền vững cho người dân các cấp chính quyền cần phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, tạo việc làm từ các hoạt động như hướng dẫn viên du lịch, bán sản phẩm thủ công, ẩm thực địa phương. Triển khai nuôi trồng dược liệu dưới rừng trồng, góp phần bảo tồn thảm thực vật và cung cấp nguồn thu nhập ổn định. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp, trồng cây ăn quả và chăn nuôi dưới tán rừng tận dụng tối đa tài nguyên mà không gây hại cho rừng. Cung cấp các khoản vay vốn ưu đãi cho người dân để đầu tư vào các sản phẩm sản xuất bền vững. Tổ chức huấn luyện về kỹ thuật trồng trọt, sản xuất theo hướng bền vững và thân thiện với môi trường. Kết nối cộng đồng với doanh nghiệp để xây

dựng chuỗi ứng dụng vững chắc, đảm bảo đầu ra cho sản phẩm.

3.4.3. Tăng cường hợp tác giữa cộng đồng và chính quyền

Hiện nay, sự phối hợp giữa chính quyền và cộng đồng trong công tác bảo tồn vẫn còn hạn chế, dẫn đến kết quả quản lý chưa cao. Cộng đồng chưa thực sự có quyền và lợi ích rõ ràng trong công việc bảo vệ tài nguyên.

Để tăng cường hợp tác giữa cộng đồng và chính quyền cần phân quyền quản lý tài nguyên theo mô hình đồng quản lý, trong đó người dân địa phương có tiếng nói và quyền tham gia quyết định trong công tác bảo tồn. Xây dựng hệ thống chia sẻ lợi ích minh bạch từ các hoạt động như chi trả dịch vụ môi trường rừng. Thành lập các nhóm bảo vệ rừng chính do người dân địa phương đảm nhiệm, có sự hỗ trợ từ chính quyền. Thiết lập kênh phản hồi và đối thoại thường xuyên giữa chính quyền, ban quản lý khu bảo tồn và cộng đồng để giải quyết các vấn đề phát sinh.

3.4.4. Ứng dụng công nghệ vào công tác bảo tồn

Công tác giám sát rừng hiện nay chủ yếu dựa vào nhân lực, gây khó khăn trong công việc quản lý diện tích rừng rộng lớn. Nên tăng cường việc sử dụng camera giám sát, flycam để theo dõi tình hình rừng và phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm. Ứng dụng hệ thống GIS và viễn thám để phân tích dữ liệu, đánh giá các diễn biến rừng theo thời gian thực. Tổ chức các khóa đào tạo để người dân có thể sử dụng các ứng dụng trên điện thoại giúp báo cáo nhanh các vấn đề liên quan đến rừng.

3.4.5. Thúc đẩy mô hình du lịch sinh thái cộng đồng

Khu bảo tồn Chạm Chu có tiềm năng lớn về cảnh quan thiên nhiên và văn hóa bản địa nhưng chưa được khai thác thác hiệu quả. Chính quyền cần phát triển các tour du lịch trải nghiệm văn hóa, sinh thái gắn kết với cộng đồng. Hỗ trợ đào tạo kỹ năng làm du lịch cho người dân như hướng dẫn viên, ẩm thực địa phương. Sử dụng mạng xã hội và các trang web du lịch để quảng bá hình ảnh và sản phẩm du lịch của khu bảo tồn.

4. KẾT LUẬN

Vai trò quan trọng của cộng đồng địa phương trong công việc bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên tại khu bảo tồn thiên nhiên Chạm Chu tại xã Yên Thuận đã được khẳng định trong bài nghiên cứu. Cộng đồng không chỉ tham gia giám sát,

khai thác hợp lý mà còn góp phần duy trì tri thức bản địa quý báu. Tuy nhiên, những quy định như thiếu nhận thức, áp dụng kế hoạch sinh học và các chế độ hỗ trợ từ chính quyền vẫn tồn tại. Kết quả nghiên cứu cho thấy cần có các giải pháp đồng bộ như nâng cao nhận thức, phát triển sinh kế bền vững và tăng cường hợp tác giữa các bên liên quan. Bên cạnh đó, cơ sở khoa học cho việc xây dựng các chính sách bảo tồn hiệu quả hơn, đồng thời góp phần nâng

cao công thức nhận thức của cộng đồng về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên gắn kết với phát triển bền vững cũng đã được cung cấp trong nghiên cứu.

LỜI CẢM ƠN

Trường Đại học Tân Trào, Tuyên Quang, Việt Nam là đơn vị tài trợ cho tôi thực hiện nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Center for People and Nature (PanNature). (2019). *Nature conservation linked to sustainable development: Experiences from local communities*.
- Cham Chu Nature Reserve Management Board. (2023). Report on resource management and exploitation at Cham Chu Nature Reserve, Yen Thuan Commune, Ham Yen District, Tuyen Quang Province.
- Do, C. B. (2024). *Research on medicinal plant resources in Cham Chu Nature Reserve, Yen Thuan Commune, Ham Yen District, Tuyen Quang Province. European Journal of Ecology, Biology and Agriculture, 1(2)*, 117-122. (in Vietnamese).
[https://doi.org/10.59324/ejeba.2024.1\(2\).10](https://doi.org/10.59324/ejeba.2024.1(2).10)
- Ministry of Agriculture and Rural Development. (2021). *Guidelines for the management of special-use forests and sustainable forest protection*. Hanoi.
- Ministry of Natural Resources and Environment. (2020). *National Environmental Status Report 2016-2020*. Natural Resources - Environment and Vietnam Map Publishing House.
- Nguyen, H. T., & Pham, V. L. (2022). *Application of GIS technology in forest monitoring at Cham Chu Nature Reserve*. National Scientific Conference, Vietnam National University of Forestry (in Vietnamese).
- People's Committee of Tuyen Quang Province. (2022). *Summary report on forest management and protection in Cham Chu Nature Reserve*.
- Tran, V. T. (2020). *Community-based sustainable forest resource management: Practical lessons*. Vietnam Forestry Journal. (in Vietnamese).
- Vietnam Academy of Forest Sciences. (2020). *The role of local communities in sustainable forest management in Vietnam*.